

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đối tượng giảm học phí toàn khóa học
Diện: Sinh viên DTTS ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và
miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 10/2016TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-ĐHTN ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ miễn, giảm học phí theo Thông báo số 43/TB-ĐHTN ngày 30/01/2024 của Hiệu trưởng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 26 (Hai mươi sáu) sinh viên là dân tộc thiểu số ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo được giảm 70% (bảy mươi phần trăm) học phí toàn khóa học (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian thực hiện: từ Học kỳ II năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng CTSV, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa đào tạo và sinh viên có tên tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/vị: Quản lý chất lượng; Thanh tra-PC; Phòng TT&TVTS (để đăng lên website Trường);
- Lưu: CTSV, VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ TOÀN KHÓA HỌC

(Áp dụng từ học kỳ 2, năm học 2023 - 2024)

Điện: Sinh viên DTTS ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

(Theo Quyết định số 513 /QĐ-ĐHTN, ngày 03 / 4 /2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

STT	KHOA	LỚP	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	DÂN TỘC	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	GHI CHÚ
1	CNTY	Thú y K22A	22305152	H Dung Mdrang	26/12/2003	Mnông	Buôn Kiêu, xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
2	CNTY	Thú Y K23A	23305043	Đặng Thị Huế	10/11/2004	Dao	Bon R'But, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	QĐ 861
3	Kinh tế	Kế toán K23A	23403147	H'Tâm Ndu	03/03/2005	Mnông	Buôn Yông Hắt, xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
4	Kinh tế	Kinh tế K21A	21410146	Cao Mầu Hùng Nha	13/10/2003	Ra-glai	Thôn Hòn Dung, xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	QĐ 861
5	Kinh tế	Kinh tế K21B	21410162	Bđáp H Sương Êbản	24/11/20003	Mnông	Buôn Pai Ar, xã Đắk Phơi, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
6	Kinh tế	Quản trị Kinh doanh K21B	21402192	H'Tuyệt	23/04/2003	Mnông	xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	QĐ 861
7	Kinh tế	Quản trị Kinh doanh K22B	22402121	H Sen Trei	01/03/2004	Mnông	Buôn Phôk, xã Ea R'Bin, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
8	Kinh tế	Tài chính ngân hàng K23	23406053	Hà Thu Thủy	06/01/2005	Tày	Buôn Đắk Tro, xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
9	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K22	22103007	Ma Thế Chuyền	07/06/2004	Tày	Thôn 7, xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	QĐ 861
10	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K23	23103025	Đàm Ngọc Huynh	06/09/2003	Tày	Thôn 1, xã Đắk Som, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	QĐ 861
11	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K23	23103106	H' Uyên Hlong	15/05/2005	Mnông	Buôn Dar Ju, xã Bông Krang, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
12	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K23	23103041	Hoàng Thị Lan	23/01/2005	Nùng	Thôn Tam Khánh, xã Cư Klông, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
13	Nông lâm	Lâm sinh K23	23306007	Y Thụ Rơ Yam	24/11/2004	Mnông	Buôn Yông Hắt, xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
14	Nông lâm	Lâm sinh K23	23306006	Y Thuận Tor	01/01/2005	Mnông	Buôn Yuk, xã Đắk Liêng, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861

15	Nông lâm	Quản lý đất đai K23	23404010	Niê Nguyễn Huy Hoàng	12/12/2005	Mnông	Buôn Chàm B, xã Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
16	Nông lâm	Quản lý đất đai K23	23404025	Y Tân Sruê	15/02/2001	Ê đê	Thôn Buôn Tría, xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
17	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702009	H Rut Ayun	05/11/2004	Ê đê	Buôn Trấp, xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
18	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702064	Vi Thị Lan Hương	13/03/2005	Nùng	Thôn Tân Hiệp, xã Dliê Ya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
19	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702077	Bế Ngọc Lân	13/04/2005	Tày	Xã Cư KLông, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
20	Sư phạm	Giáo dục Mầm non K21	21903082	Ver	17/1/2003	Xơ đăng	Buôn Kon Tay, xã Ea Yêng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
21	Sư phạm	Văn học K23	23607072	Lò Thị Hiền Lương	05/12/2005	Thái	Thôn Sơn Hà, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	QĐ 612
22	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309003	H' Diêm	27/09/2004	Mạ	Bon B'Tong, xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	QĐ 861
23	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309008	Hoàng Thị Thu Hằng	08/03/2005	Nùng	Thôn 8 (Bằng Sơn), xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	QĐ 612
24	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309060	H Hạnh Kbin	02/09/2005	Mnông	Buôn JaTu, xã Buôn Triết, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
25	Y Dược	KT Xét nghiệm K23	23311015	Y Luật Kbin	25/04/2004	Mnông	Buôn JaTu, xã Buôn Triết, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
26	Y Dược	Y đa khoa K20B	20307118	Chèo Trần Phương Linh	24/12/2002	Dao	Thôn 3, xã Yang Reh, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861

Danh sách có: 26 sinh viên.